

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HS-ST

Ngày: 27-8-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Thành.

Bà Trương Thị Hải.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An tham
gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 7
năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HS, ngày 12
tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Bùi Ngọc T, sinh năm 1992, nơi sinh: tỉnh T. Nơi cư trú: ấp Mỹ An A, xã Mỹ
Tĩnh An, huyện Ch, tỉnh T; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân
tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn
H và bà Trần Thị Nh (chết);

Vợ:

- Sống chung như vợ, chồng với bà Mai Kim B, sinh năm 1996, cư ngụ tỉnh
Đồng Tháp (hiện nay không còn chung sống). Có 01 người con sinh năm 2016.

- Sống chung như vợ, chồng với bà Lê Thị Minh Tr, sinh năm 1991, cư ngụ
Quận 12, Thành phố H (hiện nay không còn chung sống). Có 01 người sinh năm
2018.

Tiền án: 01 lần vào ngày 06/9/2018, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành
phố Hồ Chí Minh, phạt 12 tháng tù, về tội: Trộm cắp tài sản. Ra tù ngày 24/4/2019.

Tiền sự: 01 lần vào ngày 24/12/2017, bị Công an xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ
Gạo, tỉnh Tiền Giang phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị
cáo chưa chấp hành.

Về nhân thân: ngày 15/5/2009, bị Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng, chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2020 cho đến nay (có mặt).

- *Người bị hại:* Ông Võ Công H, sinh năm: 1995. Cư trú tại: ấp Xóm Thủ, xã B, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Phạm Minh H, sinh năm: 1991. Địa chỉ: ấp Tân Hòa, xã T, huyện C, tỉnh T.

Tạm trú: Số 73/24 đường Trần Phong Sắc, phường 4, thành phố T, tỉnh L (vắng mặt).

2/ Bà Giáp Thị N, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Số nhà 36 đường Võ Văn Môn, phường 4, thành phố T, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Ngọc T là bạn của Võ Công H, khoảng 13 giờ ngày 10/02/2020, T điện thoại rủ H đến nhậu tại nhà nghỉ Th, thuộc ấp 2 (nay là ấp Bình Ân), xã Hiệp Thạnh, huyện C, tỉnh L. Khoảng 14 giờ cùng ngày, T gặp H trước nhà nghỉ Th, T hỏi mượn H 01 xe mô tô hiệu Exciter, biển số 59E1-061.82 để đi mua nước uống. H cho T mượn xe nhưng không đưa giấy tờ xe. Sau khi mua nước uống, trên đường trở lại nhà nghỉ Th, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của H, đi cầm để lấy tiền tiêu xài. T chạy xe đến gặp bạn là Nguyễn Thanh H, ngụ số 06, đường Võ Tấn Đồ, khu phố Bình Cư 2, phường 4, thành phố T, tỉnh L nhờ H mang xe đi cầm dùm. Khi đưa xe, T nói với H: đây là xe do T mượn của bạn, nên H không biết xe này do T phạm tội mà có. H liên lạc với Nguyễn Văn Ph, ngụ 168/2 ấp Bình Cang, xã B, huyện C, tỉnh L để cầm xe, nhưng Ph không có tiền. Nên Ph dẫn H đến gặp Phạm Minh H (ngụ ấp Tân Hoà, xã T, huyện C, tỉnh T. H đang tạm trú tại số 73/24, đường Trần Phong Sắc, phường 4, thành phố T, L) để Minh H cầm xe. Khi cầm, thì xe gắn biển số 62H4- 6418, H nói là xe của Minh H, Minh H đồng ý cầm 5.000.000 đồng, nhưng không làm giấy tờ cầm xe và giao kèo: H phải đưa giấy tờ xe cho Minh H. Nếu không Minh H sẽ rửa xe thành từng món để bán. Do H không đưa giấy tờ xe, nên Minh H mang xe đến tiệm sửa xe của anh Lê Minh T, ngụ số 1179, quốc lộ 1A, phường Tân Khánh, thành phố T, tỉnh L để rửa xe.

Đến ngày 15/02/2020, H liên lạc với T thì T thừa nhận đã cầm xe của H, nên H trình báo Công an.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã thu hồi xe trên, do anh Phạm Minh H giao nộp. Nguyễn Thanh H đã đưa cho Bùi Ngọc T số tiền cầm xe là 5.000.000 đồng, T cho H 500.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Nguyễn Thanh H là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng nhà, Cơ quan điều tra mời H nhiều lần, nhưng không có mặt, nên việc làm rõ giữa những người có liên quan trong vụ án không tiến hành được. Mặc dù H không thừa nhận việc cầm xe dùm Bùi Ngọc T, nhưng qua lời khai và biên bản nhận dạng của anh Ph, anh Minh H và bị cáo T, có cơ sở chứng minh H là người mang xe đến cầm cho anh Minh H.

Đối với Nguyễn Văn Ph, Phạm Minh H và Lê Minh T không biết xe trên do phạm tội mà có, nên không xử lý là phù hợp.

Kết quả xác minh biển số 62H4-6418, là biển số được gắn trên xe Wave của chị Nguyễn Thị Thu V, ngụ 278, quốc lộ 62, khu phố 7, phường 2, thành phố T, L quản lý sử dụng đã bị rơi mất. Chị V làm biển số 62H4-6418 (biển số giả), không có quốc huy, để gắn vào xe Wave, chị đã nộp cơ quan điều tra biển số 62H4-6418 (biển số giả).

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành tiến hành trưng cầu định giá tài sản. Ngày 13/3/2020 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện Châu Thành kết luận: giá trị định giá xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu đen bạc, biển số 59E1-061.82 (theo giấy chứng nhận đăng ký) có giá trị là 15.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen bạc, gắn biển số: 62H4-6418, do Phạm Minh H giao nộp.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng cùng sim số: 0985 842 129, do Giáp Thị N giao nộp.
- 01 biển số xe 62H4-6418 (không có quốc huy), do Nguyễn Thị Thu V giao nộp.

Cơ quan điều tra đã làm rõ và trả tài sản cho chủ sở hữu, gồm:

- Người bị hại Võ Công H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đen bạc, không có biển số: 59E1-061.82.
- Nguyễn Thị Thu V: 01 biển số 62H4-6418 (có quốc huy).
- Bị cáo Bùi Ngọc T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu trắng cùng sim số: 0985 842 129.

Hiện nay, cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ 01 biển số 62H4-6418 (không có quốc huy) để xử lý riêng, theo qui định pháp luật.

Quá trình điều tra, Bùi Ngọc T đã khai nhận khi bị cáo hỏi mượn xe mô tô biển số 59E1-061.82, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter của Võ Công H để đi mua nước uống. Sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của H nên mang xe đi cầm cố được 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Kết quả định giá tài sản ngày 13/3/2020, Hội đồng định giá tài sản tổ tụng huyện Châu Thành kết luận: giá trị định giá xe mô tô có giá trị là 15.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSCT ngày 28 tháng 7 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố bị cáo Bùi Ngọc T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Ngọc T theo tội danh và điều luật nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T mức án từ 18 đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Ngọc T bồi thường tiền cầm xe cho anh Phạm Minh H số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với ông Võ Công H là người bị hại; ông Phạm Minh H và bà Giáp Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng các đương sự đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Ngọc T đã khai nhận: Ngày 10/02/2020, sau khi mượn xe mô tô biển số 59E1-061.82 của anh Võ Công H để đi mua nước uống, bị cáo đã đem xe đi cầm cho anh Phạm Minh H lấy số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Bị cáo và người bị hại thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá tố tụng hình sự huyện Châu Thành: xe mô tô biển số 59E1-061.82, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter có giá trị là 15.000.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật được lập ngày 17/02/2020 (Bút lục 118).

Điều 175 Bộ luật Hình sự, tội: *Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*, quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả (...).”

Xét thấy bị cáo Bùi Ngọc Tĩnh đã lợi dụng lòng tin của bạn bè để mượn tài sản, sau khi nhận được tài sản thì đem đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đem đi cầm là xe mô tô biển số 59E1-061.82 của anh Võ Công Hậu, có giá trị theo định giá là 15.000.000 đồng. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Ngọc Tĩnh đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo Bùi Ngọc T là một thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu học tập, lao động để trở thành công dân tốt. Năm 2018, bị cáo đã bị xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, mới ra tù ngày 24/4/2019, chưa được xóa án tích, tiếp tục có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Năm 2017 đã bị xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa chấp hành. Do đó, để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng thì mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông bà nội là ông Bùi Văn N và bà Võ Thị N là người có công với cách mạng, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

Đối với các anh Nguyễn Văn Ph, Phạm Minh H và Lê Minh T do không biết xe mô tô Bùi Ngọc T mang đi cầm do phạm tội mà có nên nhận cầm cố, nên Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát huyện Châu Thành không xử lý là phù hợp.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt bị cáo về tội danh và mức án trên là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Võ Công H đã nhận lại xe, không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không xem xét.

Anh Phạm Minh H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe là 5.000.000 đồng. Xét thấy phù hợp cần buộc bị cáo phải bồi thường cho anh H số tiền trên.

Bà Giáp Thị N không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả tiền nước uống và tiền card điện thoại di động khoảng 90.000 đồng nên không xem xét.

[4] Về vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra đã giao trả lại cho các chủ sở hữu các tài sản, nên không xem xét. Hiện nay, cơ quan điều tra đang tạm giữ 01 biển số 62H4-6418 (không có quốc huy) để xử lý riêng, theo qui định pháp luật, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Ngọc T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc T **02 (hai) năm** tù. Thời gian tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 13/5/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Bùi Ngọc T 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Ngọc T phải bồi thường số tiền cầm xe cho anh Phạm Minh H số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bị cáo Bùi Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Phạm Văn Thái